TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-6-2023
V/v: "Không công nhận là vợ chồng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Nhi.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông và ông Lê Khải.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Mai văn Hữu, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17/01/2023, về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1971 (Vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1965 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 12/12/2022) quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị H trình bày:

Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Trọng P tự nguyện chung sống từ năm 1990 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn gay gắt nhất là từ năm 2018 ông P hay nghi ngờ bà H và ghen tuông vô cớ, cấm đoán bà H không được phép giao tiếp với bạn bè. Về kinh tế: trong sinh hoạt gia đình ông P là người quản lý tiền bạc, đưa

tiền đi chợ hàng ngày. Bản thân bà H muốn đi làm kiếm tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cá nhân nhưng ông P không cho đi, giữa bà H và ông P có quá nhiều bất đồng quan điểm sống, lối sống và phong cách sống nên thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hòa hợp, hiện nay bà H không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay bà H và ông P không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà H và ông Nguyễn Trọng P không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Trọng P có 02 con chung là anh Nguyễn Trọng C, sinh ngày 26/8/1990 và anh Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 17/12/1994. Hiện anh C và anh Đ đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Vì vậy bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Trọng P vắng mặt không có lý do.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Trương Thị H và ông Nguyễn Trọng P là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung anh Nguyễn Trọng C, sinh ngày 26/8/1990 và anh Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 17/12/1994 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà H và ông Nguyễn Trọng P không phải là vợ chồng, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Không công nhận là vợ chồng". Bị đơn là ông Nguyễn Trọng P có nơi cư trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Trọng P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H, ông P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Trọng P chung sống như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay không đăng ký kết hôn

Tại khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết."*.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bà H khai rằng do không hiểu biết pháp luật nên bà H không nghĩ đến việc cùng nhau đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình bà H và ông P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến khi xảy ra mâu thuẫn trầm trọng vào đầu năm 2018 mà không đăng ký kết hôn vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định *"...Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."*. Từ những quy định của pháp luật nêu trên, cần tuyên bố bà H và ông P không phải là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận có 02 con chung là anh Nguyễn Trọng C, sinh ngày 26/8/1990 và anh Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 17/12/1994. Hiện anh C và anh Đ đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Tại đơn khởi kiện bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003472 ngày 17/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Trọng P không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Đối với con chung là anh Nguyễn Trọng C, sinh ngày 26/8/1990 và anh Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 17/12/1994. Hiện anh C và anh Đ đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, bà Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003472 ngày 17/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Nhi *(đã ký và đóng dấu)*